

Bản án số: 52/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14/6/2022

"Về việc ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Mỹ Huê

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Hồ Thị Hoa

- Ông Nguyễn Tấn Đề

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2022, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2022/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị K, sinh năm 1980 (có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Huỳnh Bé Ng, sinh năm 1976 (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp 8 II, xã Thuận Hòa, huyện An Minh- Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ghi ngày 09/5/2022 nguyên đơn bà Trần Thị K trình bày và yêu cầu như sau:**

Bà Trần Thị K và ông Ng chung sống với nhau như vợ chồng năm 1997, đến nay không đăng ký kết hôn, thời gian chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do cá tính trong sinh hoạt gia đình và đối nhân xử thế không hợp nhau, thời gian gần đây phát sinh mâu thuẫn nhiều hơn nên ông Ng, bà K ly thân nhau từ năm 2021. Nay bà suy nghĩ tình trạng hôn nhân giữa bà và ông Ng không thể chung sống với nhau được nữa yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Ng.

Về con chung: Bà K xác định có 02 đứa con chung, Huỳnh Thị Bích Tuyền, sinh ngày 26/7/1998 và Huỳnh Quốc Huy, sinh ngày 16/9/2002, hiện nay các con của bà đã trưởng thành, khi ly hôn không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà K xác định không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết.

*** *Bị đơn ông Huỳnh Bé Ng có tờ tự khai ngày 27/5/2022 trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân thống nhất như lời trình bày khởi kiện xin ly hôn của bà K, về con chung đúng như bà K trình bày, hiện nay các con của ông và bà K đã trưởng thành, có nghề nghiệp tự lao động xinh sống được.

*** *Tại phiên tòa:*** Nguyên đơn bà Trần Thị K và ông Bé Ng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Xin được ly hôn, con đã trưởng thành tự lao động sinh sống được, không yêu cầu Tòa giải quyết, về tài sản và nợ, không tranh chấp.

*** *Kiểm sát viên phát biểu:***

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự, đối với người tham gia tố tụng thì từ khi thụ lý vụ án đến nay đảm bảo thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Ý kiến về giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì xác định bà K và ông Bé Ng chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997 đến nay không đăng ký kết hôn, thời gian chung sống thì phát sinh nhiều mâu thuẫn nên bà K khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Ng, thấy rằng hôn nhân giữa bà K và ông Ng vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Nay bà K có đơn khởi kiện xin ly hôn thì căn cứ vào Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết, khoản 1 Điều 14 ghi: “ *Nam và nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng...*” áp dụng vào khoản 1 Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình 2014 đề nghị HĐXX tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị K với ông Huỳnh Bé Ng.

- Về con chung: Bà K và ông Ng xác định, có 02 đứa con chung như trên và đã đủ tuổi trưởng thành tự lao động sinh sống được, bà K và ông Ng không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

- Về tài sản và nợ: Bà K và ông Ng xác định không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án theo yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà K. Sau khi ông Ng nhận được thông báo thì ông có ý kiến và yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải nên Tòa án tiến hành các thủ tục theo quy định.

[2] *Xét về quan hệ hôn nhân*: Bà K và ông Ng chung sống với nhau như vợ chồng năm 1997 mãi cho đến nay không đăng ký kết hôn, trong thời gian chung sống như vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn nên bà K khởi kiện xin ly hôn đối với ông Ng, thấy rằng, bà K và ông Ng chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997 đến nay không đăng ký kết hôn nên vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Nay bà K có đơn khởi kiện xin ly hôn thì căn cứ vào Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết, tại khoản 1 Điều 14 luật hôn nhân và gia đình ghi “ *Nam và Nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng...*” Căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình 2014 HĐXX tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị K và ông Huỳnh Bé Ng.

[2].*Về con chung*: Bà Trần Thị K và ông Huỳnh Bé Ng xác định, trong thời gian chung sống có 02 đứa con, Huỳnh Thị Bích Tuyền, sinh ngày 26/7/1998 và Huỳnh Quốc Huy, sinh ngày 16/9/2002, hiện nay các con của bà đến tuổi trưởng thành, khi ly hôn không yêu cầu Tòa giải quyết. Nên không xem xét.

[3].*Về tài sản chung, nợ chung*: Bà K và ông Bé Ng xác định không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết, nên không xem xét.

[4] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 14 và Điều 53, Luật Hôn nhân và gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí của Tòa án.

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị K và ông Huỳnh Bé Ng.

[2]. *Về con chung*: Bà Trần Thị K và ông Huỳnh Bé Ng xác định Huỳnh Thị Bích Tuyền, sinh ngày 26/7/1998 và Huỳnh Quốc Huy, sinh ngày 16/9/2002, hiện nay các con của bà K và ông Bé Ng đã tuổi trưởng thành, khi ly hôn không yêu cầu Tòa giải quyết, không xem xét.

[3]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà Kiều và ông Ngoan xác định không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết, không xem xét.

[4]. *Về án phí sơ thẩm*: Buộc bà Trần Thị K phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), án phí ly hôn, nhưng được trừ vào 300.000 đồng mà bà đã nộp theo biên lai số 0005384 ngày 19 tháng 5 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Minh. Bà K đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

[5]. *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 14/6/2022).

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi gửi:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Lưu HS vụ án, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Mỹ Huê